TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017.
"V/v tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Trần Bá Đức.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Đinh Ngọc Hùng,
2. Ông Vũ Xuân Tuất.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền-Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Kiều Diễm-Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1968.

Hộ khẩu thường trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số nhà 42A8, Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà A29, chung cư khu 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn Dũng trình bày:

Ông D và bà Phạm Thị N đã ly hôn với nhau vào năm 2012 theo Quyết định số 294/2012/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2012 của Tòa án nhân dân Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Về con chung ông D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc A, sinh năm 2001 còn bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn K, sinh năm 2009 ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 5/2012 cho đến khi cháu K trưởng thành và đủ khả năng lao động. Từ năm 2012 đến nay ông D đã thực hiện chu cấp cho con với hình thức mua sữa, vật dụng, đồ dùng... đầy đủ, nghiêm túc. Ngày 13/4/2017 Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có lập biên bản về việc giải quyết việc thi hành án và căn cứ Quyết định Thi hành án số

128/QĐ-THA ngày 07/4/2017 xử lý cưỡng chế trừ lương hàng tháng của ông D là 2.391.000đ/tháng về việc chu cấp cho con Phạm Tuất K từ ngày 15/5/2012 đến tháng 3/2017, việc trừ lương tiến hành từ tháng 4/2017 đến hết tháng 7/2020. Ông D hiện đã lập gia đình mới, vợ ông D là bà Lê Thị Minh H hiện không có việc làm, ông D là lao động chính cùng sống với bố năm nay đã 79 tuổi thường xuyên bệnh tật: tiểu đường, tim mạch.... Con gái ông D năm nay học lớp 11 chi phí chăm sóc nuôi dưỡng con cũng nhiều. Mức lương hàng tháng của ông D là khoảng 7.000.000đ nhưng bị thi hành án trừ lương 2.391.000đ/tháng. Nay ông D yêu cầu tòa án giải quyết cho ông không tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Tuấn K, sinh năm 2009 cho bà N.

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N và ông Phạm Văn D đã ly hôn với nhau vào năm 2012 theo Quyết định số 294/2012/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2012 của Tòa án nhân dân Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Về con chung ông D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc A, sinh năm 2001 còn bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn K, ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 5/2012 cho đến khi cháu K trưởng thành và đủ khả năng lao động. Nhưng từ khi đó đến nay ông D không chu cấp nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngày 13/4/2017 Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có lập biên bản về việc giải quyết việc thi hành án và căn cứ Quyết định Thi hành án số 128/QĐ-THA ngày 07/4/2017 xử lý cưỡng chế trừ lương hàng tháng của ông D là 2.391.000đ/tháng.

Nay ông D xin không tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Tuấn K, sinh năm 2009 thì bà N không đồng ý. Vì cháu K còn quá nhỏ mà đây là quyền lợi của cháu đã được Tòa án và Thi hành án quyết định, bản thân bà N là giáo viên đi dạy cách nhà hơn 10 km, cháu K còn quá nhỏ nên hàng ngày phải đi làm cả ngày bà phải thuê người chăm sóc cháu, trong khi đó thu nhập tiền lương của bà N là 7.300.000đ, chi phí ăn uống, sinh hoạt của cháu hàng tháng khoảng 10.000.000đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành đúng quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, cụ thể là thay đổi mức cấp dưỡng của ông D đối với cháu K còn 500.000đ/tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về án phí HNGĐ-ST: Ông D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 08/5/2017, ông Phạm Văn D nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Phạm Văn D trình bày từ năm 2012 đến nay ông vẫn cấp dưỡng cho con đầy đủ thông qua hình thức mua sữa, vật phẩm, đồ dùng và không đưa tiền trực tiếp cho bà N. Nhưng đến năm 2017, bà N yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa đối với tiền cấp dưỡng nuôi con từ năm 2012 đến nay và Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa đã ra Quyết định Thi hành án số 128/QĐ-THA ngày 07/4/2017 xử lý cưỡng chế trừ lương hàng tháng của ông D là 2.391.000đ/tháng về việc chu cấp cho con Phạm Tuất K. Ông D là giáo viên trường THPT L ở TP. B, tỉnh Đồng Nai, thu nhập hàng tháng của ông D khoảng 7.900.000đ. Khi ly hôn ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh năm 2001, hiện nay cháu Ngọc A đã lớn chi phí ăn ở, học hành tăng cao; ông D hiện nay đã lập gia đình mới, tháng 12/2016 đã kết hôn với bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1981; ông D là lao động chính trong gia đình và đang cùng sống với bố là ông Phạm Kim Đ, năm nay đã 79 tuổi.

Bà N trình bày từ năm 2012 đến nay ông D không cấp dưỡng nuôi con nên đầu năm 2017 bà đã làm đơn yêu cầu và Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa đã ra Quyết định Thi hành án số 128/QĐ-THA ngày 07/4/2017 xử lý cưỡng chế trừ lương hàng tháng của ông D là 2.391.000đ/tháng về việc chu cấp cho con Phạm Tuất K. Ngoài ra bà N xác định ông D hiện đang là giáo viên trường THPT L, TP. B và cha ông D là ông Phạm Kim Đ, 79 tuổi, vợ mới của ông Dũng là bà Lê Thị Minh H hiện đang ở với ông D. Nhưng bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D vì cháu K còn nhỏ, chi phí ăn uống, sinh hoạt hàng tháng của cháu K khoảng 10.000.000đ nhưng thu nhập hàng tháng của bà khoảng 7.300.000đ.

Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của cháu K cũng như nghĩa vụ nuôi con thì ông D và bà N mỗi người đều nuôi 01 con chung, xét thấy ông D xin không tiếp tục cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K là có cơ sở chấp nhận.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Ông D phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phạm Tuấn K, sinh năm 2009 kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: ông Phạm Văn D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 5252 ngày 05/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Về quyền kháng cáo: Ông D, bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN BÁ ĐỨC